

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-06-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Nèang Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Bích N, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 13, khóm S, phường T, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 13, khóm S, phường T, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Bích N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V tiến đến hôn nhân trong năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường T ngày 09/6/2008. Sau khi kết hôn, chị N và anh V chung sống tại tổ 13, ấp S, xã T, thị xã B, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh V chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V không quan tâm, chăm lo cho gia đình, lại thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, mỗi lần uống rượu về thường

kiếm chuyện, dùng lời lẽ thô tục chửi mắng chị N; không cùng chị N chăm sóc, nuôi dạy con. Chị N đã nhiều lần khuyên anh V cố gắng làm ăn chăm lo gia đình, nhưng anh V không sửa đổi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa chị N và anh V càng trầm trọng, không khắc phục được, chị N và anh V không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: chị N và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 30/8/2011, sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dạy con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn Nguyễn Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh V thống nhất thời gian tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T (nay là phường T) ngày 09/6/2008.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Việc chị N cho rằng anh thường xuyên ăn nhậu là không đúng, thỉnh thoảng anh có uống rượu cùng các anh em làm chung và sau mỗi lần uống rượu về thì anh ngủ, không có kiếm chuyện hay chửi mắng gì đến N, mà chính N kiếm chuyện, chửi mắng, đánh anh, trong gia đình anh V vẫn chăm lo cho con ăn học khi chị N đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, khoảng 01 năm nay khi đi làm ở Bình Dương, anh vẫn thường gọi điện thoại và nhắn tin cho N nhưng N không nghe máy, không trả lời. Đến hôm nay, anh V nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng như chị N trình bày nên anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ và con.

- Về con chung: anh V và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 30/8/2011, con đang sống với N, nếu ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 01/06/2023, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất thì chị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh V vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh V tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh V là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị N và anh V sống ly thân nhau. Nhận thấy, quá trình chung sống, anh V không quan tâm, chăm lo, vun đắp cuộc sống gia đình thể hiện qua việc anh V thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã được cha mẹ nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh V không thay đổi. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh Minh.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, anh V và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 30/8/2011, hiện đang chung sống với chị N. Từ khi, vợ chồng sống ly thân, con chung do chị N nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con chung, cháu Bảo mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu Bảo, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị N (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh V được xác lập trong năm 2008, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V xác lập năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn (nay là phường Thới Sơn), thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự thì tình trạng hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến ngày hôm nay.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa chị N, anh V đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay, do bất đồng trong quan điểm sống hôn nhân. Điều đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị N với anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: trong thời kỳ hôn nhân, anh V và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 30/8/2011, hiện đang chung sống với chị N. Từ khi, hai người sống ly thân, con chung do chị N nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con chung, cháu Bảo mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu Bảo, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 92, 93, 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu cấp dưỡng và anh V cũng không tự nguyện cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Theo đơn xác nhận ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Công an phường T, thị xã B, tỉnh An Giang xác nhận: Phan Thị Bích N, sinh ngày 09/11/1989, CMND: 352095817 và Phan Bích N, sinh ngày 09/11/1989, CCCD: 089189025871 là cùng một người.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị N là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn anh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân xã T (nay là phường T), thị xã B, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: giao con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 30/8/2011 cho chị Phan Bích N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn V không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dạy con chung mà không được bất kỳ ai cản trở;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: chị Phan Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007559, ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo N định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo N định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú